

THÔNG BÁO

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ III LỚP ĐẠI HỌC K2A HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Địa điểm mở lớp: Trường Đại học Khoa học

Khóa học: 2016 - 2020

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đường lối cách mạng Việt Nam							Tiếng Việt thực hành							Cơ sở văn hóa Việt Nam							Pháp luật đại cương							Tiếng Anh 3							Tư tưởng Hồ Chí Minh						
							T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	TP	T	TB	QĐ	Đ						
							3							2							2							2							3							2						
1	CTHG2A.01	Nguyễn Thị Ân	22.06.1983	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
2	CTHG2A.03	Hoàng Thị Chiêm	16.01.1988	Nữ	Hà Giang	3	8.5	9.0	8.9	4	A	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	8.5	8.5	8.5	4	A	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B							
3	CTHG2A.06	Vàng Thị Chóa	28.07.1988	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.5	5.0	6.1	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
4	CTHG2A.07	Sùng Thị Chúa	02.09.1980	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	6.0	6.0	6.0	2	C	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	5.5	6.4	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
5	CTHG2A.08	Hoàng Văn Chuẩn	03.10.1986	Nam	Hà Giang	3	6.0	5.5	5.7	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	3	6.0	7.0	6.7	2	C	2	7.0	5.0	5.6	2	C	2	5.0	7.0	6.4	2	C							
6	CTHG2A.09	Nguyễn Văn Duẩn	20.11.1992	Nam	Hà Giang	3	7.0	7.5	7.4	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	6.0	6.5	6.4	2	C	3	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.0	4.5	5.6	2	C	2	7.0	8.0	7.7	3	B							
7	CTHG2A.10	Hoàng Thị Định	28.12.1980	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
8	CTHG2A.11	Viên Thị Hà	24.04.1988	Nữ	Hà Giang	3	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	5.5	6.3	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B							
9	CTHG2A.12	Vàng Hùng Hải	05.05.1983	Nam	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	6.0	6.9	2	C	2	8.5	5.5	6.4	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
10	CTHG2A.13	Vàng Thị Hâu	18.10.1980	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	3	9.0	6.0	6.9	2	C	2	8.5	5.0	6.1	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
11	CTHG2A.14	Nguyễn Thị Hậu	20.09.1985	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	6.5	6.0	6.2	2	C	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.5	5.0	6.1	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
12	CTHG2A.15	Viên Thị Hồng	03.06.1990	Nữ	Hà Giang	3	8.5	3.0	4.7	1	D	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C	2	7.0	8.0	7.7	3	B							
13	CTHG2A.16	Hoàng Thị Hợp	29.12.1989	Nữ	Hà Giang	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B							
14	CTHG2A.18	Lâm Thị Hương	15.04.1985	Nữ	Cao Bằng	3	6.5	8.5	7.9	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B	2	6.0	7.0	6.7	2	C	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B							
15	CTHG2A.19	Nông Thị Kim	28.02.1989	Nữ	Hà Giang	3	8.0	6.0	6.6	2	C	2	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.5	6.5	7.4	3	B	2	10.0	9.0	9.3	4	A							
16	CTHG2A.20	Nguyễn Ngọc Khuyển	20.05.1987	Nam	Hà Giang	3	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	6.0	6.9	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B							
17	CTHG2A.21	Hoàng Thị Lan	15.07.1979	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	7.0	7.2	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F							
18	CTHG2A.22	Đàm Ngọc Loan	07.08.1988	Nữ	Hà Giang	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	6.0	7.5	7.1	3	B	3	9.0	6.0	6.9	2	C	2	8.0	6.0	6.6	2	C	2	6.5	8.0	7.6	3	B							
19	CTHG2A.23	Nguyễn Thị Mai	13.10.1982	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.5	8.5	8.5	4	A	2	8.5	6.0	6.8	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F							

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đường lối cách mạng Việt Nam						Tiếng Việt thực hành						Cơ sở văn hóa Việt Nam						Pháp luật đại cương						Tiếng Anh 3						Tư tưởng Hồ Chí Minh					
							T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	
							3						2						2						2						3						2					
20	CTHG2A.24	Hoàng Văn	Mạnh	20.10.1991	Nam	Hà Giang	3	7.5	7.0	7.2	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
21	CTHG2A.25	Hoàng Thị	Mắm	28.09.1989	Nữ	Hà Giang	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
22	CTHG2A.27	Hoàng Hòa	My	15.06.1992	Nữ	Hà Giang	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
23	CTHG2A.28	Vi Thị	Ngân	24.03.1977	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	8.0	6.5	7.0	3	B	2	8.0	5.0	5.9	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
24	CTHG2A.29	Chánh Thị	Ngoan	15.04.1989	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	6.0	7.5	7.1	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	5.0	6.1	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
25	CTHG2A.30	Sân Thị	Ngoan	20.06.1981	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	6.0	6.5	6.4	2	C	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	5.5	6.4	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
26	CTHG2A.31	Hà Thị	Ngôn	16.12.1986	Nữ	Hà Giang	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	6.5	6.8	2	C	2	9.0	9.0	9.0	4	A
27	CTHG2A.32	Sùng Thị	Páo	26.06.1984	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	7.5	7.0	7.2	3	B	2	8.5	6.5	7.1	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F
28	CTHG2A.33	Lò Mùi	Phin	05.09.1986	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	6.0	7.5	7.1	3	B	3	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.5	6.5	7.1	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F
29	CTHG2A.34	Vương Văn	Phòng	23.07.1990	Nam	Hà Giang	3	7.0	7.5	7.4	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	6.5	6.0	6.2	2	C	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	4.5	5.4	1	D	2	7.0	6.0	6.3	2	C
30	CTHG2A.35	Hoàng Văn	Phù	09.03.1993	Nam	Hà Giang	3	7.0	7.5	7.4	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.0	4.0	5.2	1	D	2	8.0	7.0	7.3	3	B
31	CTHG2A.36	Cùng Thị	Quang	15.10.1977	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	5.0	5.9	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
32	CTHG2A.38	Lù Thị	Tinh	12.03.1996	Nữ	Hà Giang	3	6.5	8.0	7.6	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
33	CTHG2A.39	Trần Quốc	Tuấn	05.02.1981	Nam	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	6.0	6.0	6.0	2	C	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	5.5	6.3	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
34	CTHG2A.40	Nguyễn Thị	Tuyết	24.09.1985	Nữ	Hà Giang	3	7.0	8.5	8.1	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
35	CTHG2A.42	Trần Đức	Thịnh	02.01.1984	Nam	Hà Giang	3	8.5	9.0	8.9	4	A	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	6.0	6.5	6.4	2	C	3	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
36	CTHG2A.44	Nông Văn	Trọng	15.02.1985	Nam	Hà Giang	3	7.0	8.5	8.1	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	5.5	6.1	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
37	CTHG2A.45	Cao Bình	Trứ	14.10.1986	Nam	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	9.0	6.5	7.3	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
38	CTHG2A.47	Nguyễn Thị	Xuyên	12.04.1987	Nữ	Hà Giang	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	6.5	7.1	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B
39	CTHG2A.48	Giảng Thị	Châu	21.12.1980	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	4.5	5.7	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
40	CTHG2A.49	Hoàng Thị	Cúc	22.04.1985	Nữ	Hà Giang	3	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
41	CTHG2A.50	Hoàng Văn	Dong	07.09.1984	Nam	Hà Giang	3	6.5	5.5	5.8	2	C	2	7.5	6.0	6.5	2	C	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.5	7.0	7.2	3	B	2	7.5	4.0	5.1	1	D	2	8.0	7.0	7.3	3	B
42	CTHG2A.51	Triệu Kỳ	Duyên	12.05.1990	Nữ	Hà Giang	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	2	9.0	6.5	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
43	CTHG2A.54	Vương Thị	Hạnh	09.04.1985	Nữ	Hà Giang	3	7.0	8.5	8.1	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	6.0	6.5	6.4	2	C	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
44	CTHG2A.55	Đàm Thị	Hương	27.10.1986	Nữ	Hà Giang	3	7.0	7.0	7.0	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đường lối cách mạng Việt Nam						Tiếng Việt thực hành						Cơ sở văn hóa Việt Nam						Pháp luật đại cương						Tiếng Anh 3						Tư tưởng Hồ Chí Minh					
							T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	T	C	TP	T	TB	QĐ	Đ	
							3						2						2						2						3						2					
45	CTHG2A.57	Nguyễn Thị	Huyền	25.05.1981	Nữ	Hà Giang	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.0	6.5	6.7	2	C	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
46	CTHG2A.59	Hà Thị	Liên	25.12.1991	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F
47	CTHG2A.61	Hoàng Thị	Nin	09.02.1991	Nữ	Hà Giang	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	3	8.5	9.0	8.9	4	A	2	8.5	6.5	7.1	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
48	CTHG2A.63	Phạm Thị	Phượng	08.08.1988	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	8.5	8.5	8.5	4	A	2	7.0	7.5	7.4	3	B	3	7.0	7.5	7.4	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F
49	CTHG2A.64	Sùng Mí	Pó	05.02.1982	Nam	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	8.5	7.0	7.5	3	B	2	8.5	5.0	6.1	2	C	0	7.0	0.0	2.1	0	F
50	CTHG2A.65	Lý Thị	Quyết	01.04.1985	Nữ	Hà Giang	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
51	CTHG2A.66	Trần Thị	Sinh	12.04.1985	Nữ	Hà Giang	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	7.5	8.5	8.2	3	B	2	7.0	7.0	7.0	3	B	3	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	5.5	6.3	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
52	CTHG2A.67	Lý Thị Phương	Thảo	17.03.1993	Nữ	Hà Giang	3	6.5	7.5	7.2	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B
53	CTHG2A.70	Vương Thị	Bé	02.01.1985	Nữ	Hà Giang	3	8.0	8.5	8.4	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	7.5	7.4	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	6.0	6.6	2	C	2	7.0	7.0	7.0	3	B
54	CTHG2A.71	Lộc Văn	Hưng	13.05.1990	Nam	Hà Giang	3	6.0	5.5	5.7	2	C	2	7.5	8.0	7.9	3	B	2	7.0	5.0	5.6	2	C	3	8.5	7.5	7.8	3	B	2	7.0	6.0	6.3	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B
55	CTHG2A.72	Chu Minh	Kỳ	12.11.1988	Nam	Hà Giang	3	6.0	7.0	6.7	2	C	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	6.5	6.0	6.2	2	C	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	6.0	6.8	2	C	0	6.0	0.0	1.8	0	F
56	CTHG2A.73	Trần Bích	Ngọc	01.06.1996	Nữ	Hà Giang	3	8.5	7.5	7.8	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B	2	7.0	8.0	7.7	3	B
57	CTHG2A.77	Nguyễn Văn	Thế	06.05.1984	Nam	Hà Giang	3	7.0	7.5	7.4	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	5.5	6.6	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
58	CTHG2A.78	Nguyễn Thị	Chương	14.03.1988	Nữ	Hà Giang	0	0.0	0.0	0.0	0	F	3	7.5	8.5	8.2	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	3	8.0	6.0	6.6	2	C	0	0.0	0.0	0.0	0	F
59	CTHG2A.79	Nguyễn Thị	Tâm	08.07.1991	Nữ	Hà Giang	3	9.0	7.5	8.0	3	B	3	7.5	8.0	7.9	3	B	3	6.5	6.0	6.2	2	C	3	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.5	6.0	6.8	2	C	3	8.0	8.0	8.0	3	B
60	CTHG2A.80	Nguyễn Thị	Nguyệt	23.09.1989	Nữ	Hà Giang	3	7.5	8.0	7.9	3	B	3	7.5	8.5	8.2	3	B	0	0.0	0.0	0.0	0	F	3	8.5	7.0	7.5	3	B	3	8.5	6.5	7.1	3	B	3	7.0	9.0	8.4	3	B

Bảng quy đổi điểm

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Ghi chú
8.5 đến 10	A	4	Những sinh viên có điểm học phần đạt điểm F là những sinh viên chưa qua học phần đó và phải học lại
7.0 đến 8.4	B	3	
5.5 đến 6.9	C	2	
4.0 đến 5.4	D	1	
0.0 đến 3.9	F	0	

Nơi nhận:

- Các Phòng: CT-HSSV, KH-TC;
- Khoa Luật & QLXH;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Trịnh Thanh Hải